

Số: **634**/VTVcab-CBTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
 - Mã chứng khoán: CAB
 - Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Email: vanphongtct@vtvcab.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2023 tại đường dẫn: <http://dichvu.vtvcab.vn/tin-tuc-khuyen-mai/co-dong>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- BC thường niên năm 2022

CHỦ TỊCH HĐQT



Hoàng Ngọc Huân

Số **03** /VTVcab

Hà Nội, ngày **20** tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam năm 2022

I. TỔNG QUAN TỔNG CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
- Tên viết tắt: Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0105926285 đăng ký lần đầu ngày 26/06/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần gần nhất (lần thứ 7) vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.
- Vốn điều lệ: 457.458.760.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Website: <http://www.vtvcab.vn>
- Mã cổ phiếu: CAB

*** Quá trình hình thành và phát triển**

Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) tiền thân là Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS thành lập ngày 20/9/1995. Tổng công ty đã trải qua các lần đổi tên: Hãng Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2000); Trung tâm dịch vụ Kỹ thuật Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2003). Đặc biệt từ năm 2012, Tổng công ty phát triển nhanh cả về quy mô lẫn năng lực, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh khi chuyển sang mô hình doanh nghiệp với thương hiệu mới VTVcab. Dưới đây là các mốc phát triển quan trọng của Tổng công ty:

1995: Thành lập Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS

2005: Cung cấp internet trên mạng truyền hình Cáp

2008: Triển khai hệ thống truyền hình số trên mạng cáp

2009: Chính thức liên doanh với tập đoàn Canal+/Canal Overseas triển khai truyền hình số vệ tinh với thương hiệu K+ phủ sóng toàn quốc. Đây là liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực truyền hình.

2011: Triển khai dịch vụ SD, HD; ra mắt tổng đài Chăm sóc khách hàng trên toàn quốc 19001515

2012: Ra mắt Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Việt Nam. Đến thời điểm này, VTVcab đã có hơn 100 chi nhánh, văn phòng đại diện trên toàn quốc

2013: Truyền hình Cáp Việt Nam thay đổi thương hiệu từ VCTV sang VTVcab và đổi tên thành Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới VTVcab

2015: Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ mạng cáp quang GPON, phát sóng trên 200 kênh truyền hình, trong đó có 60 kênh HD

2018: Tháng 6/2018, VTVcab chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam sang Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

Ngày 06/09/2019 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chính thức đưa cổ phiếu của VTVcab (mã chứng khoán: CAB) vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

2019 đến nay: VTVcab khẳng định vị thế là nhà cung cấp nội dung trên đa nền tảng số 1 tại Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

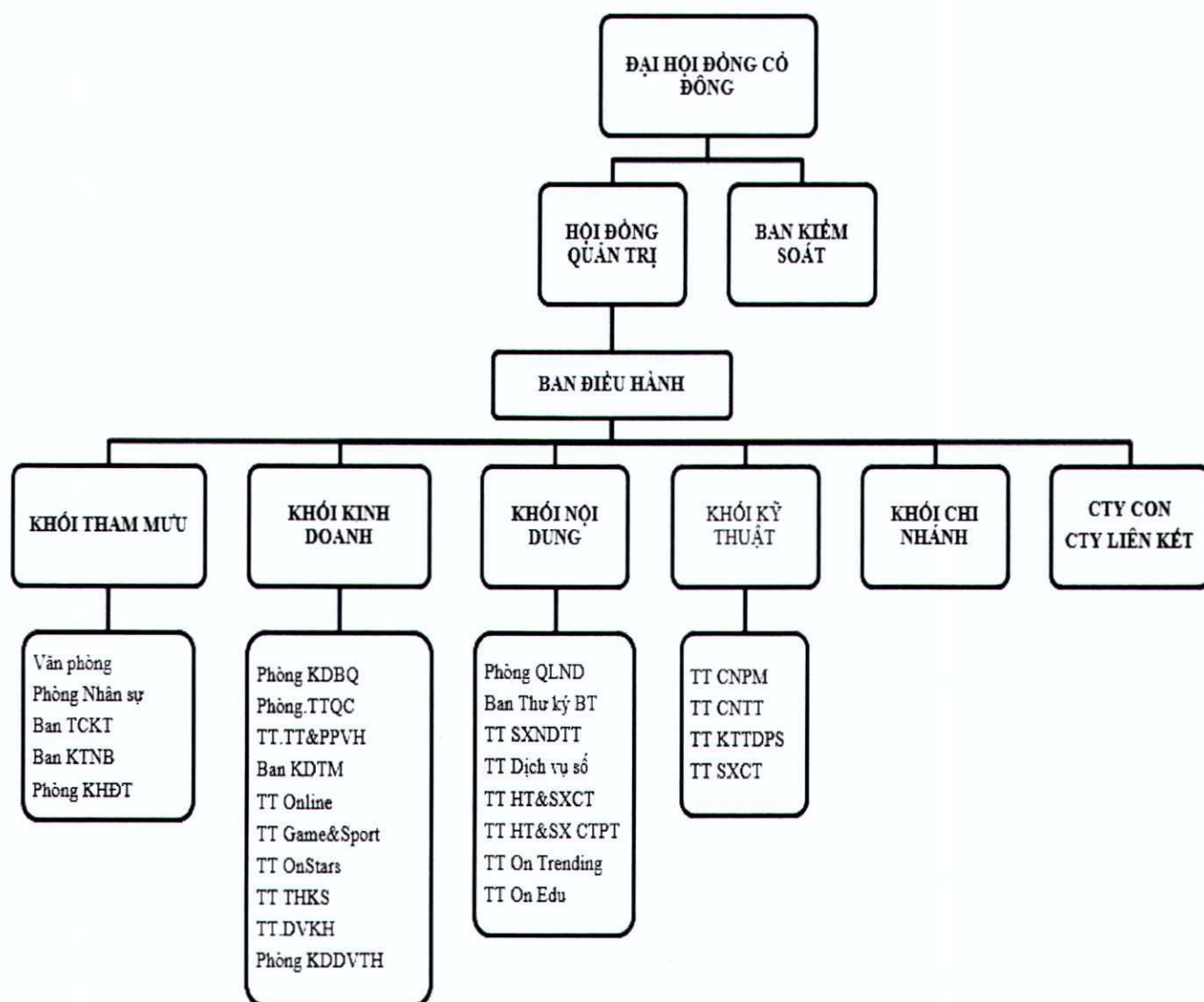
- + Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- + Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- + Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- + Quảng cáo truyền hình;
- + Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- + Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- + Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua- bán bản quyền;
- + Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất;
- + Xuất bản phần mềm;
- + Sản xuất đồ chơi, trò chơi;
- + Hoạt động phát thanh, truyền hình;
- + Hoạt động viễn thông không dây;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- + Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.

- Địa bàn kinh doanh của VTVcab hoạt động trên toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty thể hiện bằng sơ đồ:



- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông.
- Hội đồng quản trị có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
- Ban kiểm soát có 4 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
- Ban điều hành bao gồm 1 Tổng giám đốc, 4 Phó Tổng Giám đốc (1 Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 9/2022) và 1 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu

sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Các phòng, ban chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

- Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ % VTVcab sở hữu
Công ty CP công nghệ Việt Thành	HCM	Dịch vụ truyền hình	105.000	51%
Công ty TNHH MTV hạ tầng viễn thông VTVcab	Hà Nội	Hạ tầng viễn thông	3.000	100%
Công ty CP phát triển thể thao VTVcab	Hà Nội	Dịch vụ công nghệ thông tin	2.000	50.1%

- Công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ % VTVcab sở hữu
Công ty CP Truyền thông ON+	HCM	Dịch vụ quảng cáo	10.000	36%
Công ty CP VTVcab Nam Định	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	21.034,20	39%
Công ty CP truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo và GTGT trực tuyến	90.000	20%
Công ty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	HCM	Sản xuất phim, dịch vụ quảng cáo	420.000	25%
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ truyền hình	68.000	24%

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu:

- Tiếp tục giữ vững và phát triển thị trường truyền hình truyền thống, phân loại các gói nội dung chuyên biệt, đặc sắc, độc đáo và các hình thức dịch vụ theo yêu cầu phù hợp với từng nhóm đối tượng người dùng mục tiêu; chú trọng hơn về việc cải thiện chiều sâu dịch vụ, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.

- Nắm bắt sự phát triển của các nền tảng ứng dụng, công nghệ mới và các mạng xã hội làm thay đổi xu hướng tiếp cận thông tin của thế hệ trẻ, VTVcab tăng cường nguồn lực đầu tư về cơ sở hạ tầng, đội ngũ nhân sự công nghệ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường, gia tăng đối tượng và số lượng khán, thính giả qua nhiều hình thức phân phối nội dung trên toàn bộ các nền tảng: Pay TV, OTT, MobiTV, Online...

- Phát huy thế mạnh về sản xuất các chương trình thể thao; sở hữu hệ sinh thái bản quyền thể thao đặc sắc và toàn diện, độc quyền nhiều giải đấu thể thao hấp dẫn trong nước và quốc tế ở các bộ môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Quần vợt, Golf, Cầu lông, Esport, Action Sport ... Nâng cao năng lực đội ngũ sản xuất và chất lượng nội dung các chương trình Giải trí, Giáo dục, Âm nhạc, Tin tức và Phim truyện ... để đảm bảo VTVcab là đơn vị dẫn đầu về sản xuất nội dung trên thị trường truyền hình trả tiền tại Việt Nam.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Duy trì ổn định và phát triển thị trường truyền hình truyền thống

- Phát triển hệ sinh thái nội dung độc đáo, độc quyền và duy nhất, IP hóa content. Nội dung khác biệt sẽ tạo điểm nhấn cho dịch vụ, nội dung đặc sắc là điểm mạnh và lợi thế của nhà cung cấp dịch vụ.

- Chuyển đổi số toàn diện, đẩy mạnh việc xây dựng các hệ thống số, hạ tầng số, ứng dụng số, dịch vụ nội dung số ... của VTVcab bằng cách nâng cao năng lực sản xuất, gia tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật công nghệ đem đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng và người sử dụng dịch vụ

* Các mục tiêu phát triển bền vững:

Trong giai đoạn chuyển đổi còn nhiều thách thức, VTVcab tiếp tục khẳng định vị thế một cách mạnh mẽ, phát triển quy mô và hiệu quả hoạt động. Xứng đáng là Tập đoàn truyền thông sản xuất và phân phối nội dung đa nền tảng hàng đầu Việt Nam với những mục tiêu dài hạn dựa trên các giá trị sau:

- Khách hàng là trung tâm của sự phát triển. Chất lượng dịch vụ và tiêu chuẩn chăm sóc khách hàng luôn được chú trọng và nâng cao.

- Đổi mới, sáng tạo trong tư duy sản xuất nội dung, tiếp cận công nghệ, phát triển và vận hành dịch vụ nhằm hoàn thành nhóm mục tiêu chủ yếu.

- Đoàn kết và trách nhiệm, xây dựng cấu trúc tập thể vững mạnh, công bằng mang lại giá trị cốt lõi cho doanh nghiệp.

- Chia sẻ lợi ích với xã hội và cộng đồng thông qua các chương trình tôn vinh những cá nhân, tài năng có đóng góp xuất sắc của nước nhà trong năm, đồng thiết lập các quỹ hiếu học, nhân ái ... và tổ chức, tích cực đồng hành cùng các hoạt động từ thiện.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến các hoạt động của VTVcab

- Rủi ro về thị trường: Có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường giữa các đối thủ trong ngành thị trường truyền hình trả tiền, các nhà đài thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá sâu gây bất lợi trong việc bảo toàn và phát triển số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ, làm biến động đơn giá thuê bao bị giảm xuống, doanh thu thấp.

Bên cạnh đó, sự phát triển của các mạng xã hội và các ứng dụng OTT xuyên biên giới, điển hình như Netflix, YouTube, Amazon, Iflix, WeTV, IQIYI... với nguồn nội dung xã hội hóa tràn lan, chưa được quản lý bằng các quy định cụ thể, trong khi các doanh nghiệp trong nước đang chịu rất nhiều sự điều chỉnh của luật pháp, phải trả chi phí nội dung cao và chịu sự kiểm soát chặt chẽ. Điều này dẫn đến sự cạnh tranh không bình đẳng, những rủi ro và thiệt hại cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ OTT trong nước.

- Rủi ro về bản quyền: Là đơn vị sản xuất và phân phối nội dung trên Đa nền tảng, việc quản lý và bảo vệ bản quyền là mối quan tâm thiết yếu hàng đầu của VTVcab. Tuy nhiên, vẫn nạn vi phạm bản quyền các nội dung truyền hình, thể thao, phim ảnh ... vẫn diễn ra một cách thường xuyên và có tính chất lặp lại nhiều lần với những thủ đoạn và cách thức ngày càng tinh vi. Trong khi đó, chế tài xử lý vi phạm chưa đủ mạnh, không đủ sức răn đe và ngăn chặn hành vi vi phạm, điều này đang làm ảnh hưởng, gây thiệt hại không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của VTVcab.

- Rủi ro về tài chính: Chi phí bản quyền nội dung ngày càng tăng cao đặc biệt là đối với nhóm Kênh quốc tế và các giải đấu thể thao đỉnh cao, cùng xu thế mong muốn độc quyền phân phối nội dung của các đơn vị cùng ngành và các hãng sản xuất khiến cho việc đàm phán và sở hữu các bản quyền trở nên rất khó khăn hoặc chi phí bỏ ra vô cùng tốn kém.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2022	Đơn vị: triệu đồng	
		THỰC HIỆN 2022	TỶ LỆ TH/KH
Tổng doanh thu	2.526.925	2.342.653	93%
Lợi nhuận sau thuế	80.255	68.845	86%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 so với năm 2021 của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2021	Đơn vị: triệu đồng	
		THỰC HIỆN 2022	TỶ LỆ TH 2022/2021
Tổng doanh thu	2.158.096	2.342.653	109%
Tổng chi phí	2.059.359	2.257.432	110%

Lợi nhuận sau thuế

82.072

68.845

84%

Ghi chú: - Số liệu thực hiện trên (doanh thu, chi phí, lợi nhuận) theo Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán bởi AASC.

- Số liệu kế hoạch 2022 (doanh thu, chi phí, lợi nhuận) theo Nghị quyết số 10/NQ-VTVcab của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ban hành ngày 08 tháng 6 năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bùi Huy Năm	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Trung Tấn	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Thị Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
6	Trần Ngọc Huyền	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

* Ông Bùi Huy Năm- Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1977

- Trình độ: Kỹ sư Điện tử viễn thông

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam; chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Huyndai.

* Ông Nguyễn Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1963

- Trình độ: Kỹ sư điện tử viễn thông

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ.

* Ông Nguyễn Văn Ninh – Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1964

- Trình độ: Kỹ sư điện tử viễn thông

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP VTVcab Nam Định

*** Ông Lê Trung Tấn- Phó Tổng giám đốc**

- Sinh năm: 1983

- Trình độ: Tiến sỹ Kỹ thuật viễn thông; Thạc sỹ - xử lý thông tin và Truyền Thông, Kỹ sư Điện tử Viễn thông

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.002% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP công nghệ Việt Thành; Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab

*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương- Phó Tổng giám đốc**

- Sinh năm: 1976

- Trình độ: Thạc sỹ- Quản lý kinh tế

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.003% vốn điều lệ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc- Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện; thành viên HĐQT- Công ty CP Truyền thông ON+; phó chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần phát triển thể thao VTVcab

*** Bà Trần Ngọc Huyền- Kế toán trưởng, Trưởng Ban Tài chính kế toán**

- Sinh năm: 1976

- Trình độ: Thạc sỹ kinh tế

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2022:

Phó Tổng Giám đốc Tạ Sơn Đông được hưởng chế độ hưu trí kể từ Tháng 9/2022

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động sử dụng bình quân ký Hợp đồng lao động năm 2022 tại Tổng Công ty (không bao gồm người Quản lý doanh nghiệp) là 693 lao động

Tổng số lao động sử dụng tính đến ngày 31/12/2022 (không bao gồm người quản lý doanh nghiệp) là 578 lao động.

Trong nhiều năm, VTVcab luôn kiên trì thực hiện các hoạt động phát triển bền vững với định hướng con người là yếu tố then chốt. Bởi vậy, VTVcab chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực cũng như các hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cá nhân, kỹ năng phát triển chuyên môn nghiệp vụ, các chính sách liên quan để người lao động được duy trì thực hiện ổn định, tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động trong khả năng của VTVcab.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án trong năm

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2022 Tổng Công ty triển khai các dự án lớn theo kế hoạch năm 2022, cụ thể:

- Dự án "Đầu tư phần mềm super platform giai đoạn 2- Phần 1: Ứng dụng ONTV" với tổng mức đầu tư 15 tỷ. Mục tiêu của dự án: Tạo ra mô hình tiêu thụ nội dung mới trên nền tảng Super Platform với mục tiêu xây dựng một ứng dụng đầu vào để thu hút người truy cập, tìm kiếm khách hàng tiềm năng và quản lý khách hàng.

- Dự án "Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống lưu trữ phát sóng năm 2022" với tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án: Đáp ứng nhu cầu lưu trữ hệ thống phát sóng đảm bảo kế hoạch tăng kênh trong năm 2022 và phát sóng các giải đấu thể thao do VTVcab sản xuất; Đáp ứng nhu cầu sử dụng theo mục đích của các đơn vị giảm thiểu thời gian di chuyển file giữa các phân vùng sử dụng: Lưu trữ sản xuất, lưu trữ phát sóng, lưu trữ phân phối, lưu trữ tư liệu; Giảm chi phí thuê Cloud.

- Dự án "Đầu tư bổ sung hệ thống thiết bị phát quảng cáo trên các kênh của VTVcab và đối tác" với tổng mức đầu tư 19,9 tỷ.

- Dự án "Đầu tư mở rộng nâng cấp xe truyền hình lưu động từ 7 camera lên 12 camera" với tổng mức đầu tư 29,3 tỷ. Mục tiêu của dự án: Nâng cấp xe truyền hình lưu động với tiêu chuẩn từ 7 CAM lên 12 CAM; Nâng cấp chất lượng sản xuất các giải thể thao đáp ứng với các tiêu chuẩn sản xuất các giải thể thao quốc tế như AFC Champion League, vòng loại WorldCup khu vực châu Á, giải bóng chuyền AVC.

- Dự án "Quy hoạch hệ thống Server phát sóng các kênh VTVcab" với tổng mức đầu tư 11,9 tỷ. Mục tiêu của dự án: Đáp ứng được việc phân chia nhóm kênh VTVcab theo mức độ ưu tiên, tiết kiệm tài nguyên server phát sóng;

b. Công ty con

✓ - Công ty Cổ phần Phát triển thể thao VTVcab (VTVcab Sport):

Năm 2022, VTVcab Sport tiếp tục thực hiện việc khai thác hợp đồng quảng cáo với Liên đoàn bóng đá Việt Nam và các hợp đồng sản xuất chương trình với VTVcab.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 của Công ty là: 17,09 tỷ đồng tăng so với thời điểm đầu năm là 53,31%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 là: 40,36 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt: 31,56 triệu đồng.

✓ - Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab:

Năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai kinh doanh sản xuất nội dung chương trình truyền hình, thể thao, âm nhạc, giải trí ... đồng thời triển khai thêm các dịch vụ vận hành cho VTVcab.

Tổng tài sản tại 31/12/2022 của Công ty là: 94,68 tỷ đồng tăng so với thời điểm đầu năm là 361%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 là: 207,83 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với

năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt: 2,43 tỷ đồng tăng hơn 4 lần với năm 2021.

✓ - **Công ty CP Công nghệ Việt Thành:**

Năm 2022, Công ty tiếp tục cải tạo, duy trì ổn định mạng truyền hình cáp và Internet để triển khai cung cấp các gói dịch vụ truyền hình và internet trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 152,22 tỷ đồng giảm so với đầu năm 2,84%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 là 83,96 tỷ đồng, giảm 12,44% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 là 8,18 tỷ đồng, giảm 10,02% so với năm 2021.

c. Công ty liên kết

✓ - **Công ty CP truyền hình tương tác Việt Nam (VTVlive):**

Năm 2022, VTVlive tiếp tục triển khai các hoạt động chính như dịch vụ cung cấp bản quyền. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục triển khai một số mảng kinh doanh mới góp phần tăng trưởng doanh thu như hoạt động kinh doanh game online, sản xuất gia công phần mềm.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 của Công ty là 123,11 tỷ đồng tăng so với đầu năm 113,88%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 là 246,96 tỷ đồng. Tốc độ tăng doanh thu năm 2022 thấp hơn tốc độ tăng Chi phí dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 âm 38,33 tỷ đồng.

✓ - **Công ty CP Truyền thông On+:**

Năm 2022, Công ty On+ tiếp tục các hoạt động kinh doanh dịch vụ quảng cáo, sản xuất chương trình và khai thác bản quyền nội dung chương trình các nền tảng xã hội...

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2022 là 55,46 tỷ đồng, tăng so với đầu năm là 370,10%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2022 là 64,44 tỷ đồng. Tốc độ tăng doanh thu năm 2022 thấp hơn tốc độ tăng của Chi phí dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 âm 13,02 tỷ đồng.

- **Công ty Cổ phần VTVcab Nam Định:**

Năm 2022, VTVcab Nam Định tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền và hoạt động internet. Tiếp tục giữ khách hàng trong tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường truyền thông nhằm đảm bảo doanh thu và lợi nhuận.

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2022 là 32,94 tỷ đồng, tăng so với đầu năm là 6,8%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2022 là 24,69 tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là âm 209,96 triệu đồng. 12 ✓

- Công ty Cổ phần Truyền thông quảng cáo đa phương tiện (Smart Media):

Năm 2022, Smart Media tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính của mình là cung cấp và khai thác nội dung, thông tin, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện thông tin đại chúng; kinh doanh dịch vụ quảng cáo đa phương tiện; tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị; sản xuất các sản phẩm quảng cáo, dịch vụ truyền thông để nâng cao thể mạnh, thúc đẩy tăng doanh thu và lợi nhuận.

Hiện nay khoản vốn góp của Đài Truyền hình Việt Nam tại Smart Media giao cho VTVcab quản lý trước thời điểm VTVcab chuyển thành Công ty cổ phần chưa được Đài Truyền hình Việt Nam xác định lại giá trị để làm căn cứ xác định phần vốn góp của Nhà nước tại VTVcab. Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2022 là 131,8 tỷ đồng, tăng so với đầu năm là 27%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2022 là 142,5 tỷ đồng, tăng 130% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 3,41 tỷ đồng.

- Công ty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai:

Năm 2021, VTV- HYUNDAI tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chính của mình là thực hiện quyền xuất nhập khẩu, phân phối bán buôn, bán lẻ hàng hóa qua kênh mua sắm truyền hình, quảng cáo, hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình để thúc đẩy tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tổng tài sản của Công ty ngày 31/12/2022 là 88,97 tỷ đồng, giảm so với đầu năm là 38,1%. Tổng doanh thu của Công ty năm 2022 là 69,04 tỷ đồng, giảm 7,9% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là âm 52,84 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, tình hình tài chính của VTVcab như sau:

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	1.768.055.288.444	1.908.861.137.477	7,96%
Doanh thu thuần	2.246.572.297.479	2.401.310.595.841	6,89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	88.759.093.091	83.006.396.136	-6,48%
Lợi nhuận khác	-39.910.101	-306.466.371	-667,89%
Lợi nhuận trước thuế	88.719.182.990	82.699.929.765	-6,78%
Lợi nhuận sau thuế	67.879.276.472	61.270.947.146	-9,74%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	GHI CHÚ
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,806	0,837	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	-		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,699	0,730	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (*)</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,501	0,514	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,463	1,538	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	-		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	12,933	14,964	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,233	1,306	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,030	0,026	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,113	0,099	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,037	0,033	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,040	0,035	

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 và 2022 đã được kiểm toán.

- (*) Chỉ tiêu Nợ phải trả (trong Chỉ tiêu về cơ cấu vốn) không bao gồm Người mua trả tiền trước và Quỹ khen thưởng phúc lợi

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu**a. Cổ phần**

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 45.745.876 cổ phiếu

Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông tổ chức (Nhà nước)	45.081.076	98,55%
2	Cá nhân	663.800	1,45%
3	Cá nhân (cổ đông nước ngoài)	1.000	0.00%
Tổng cộng		45.745.876	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Không thay đổi

d. Giao dịch cổ phiếu: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Tiêu thụ năng lượng

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh về lĩnh vực truyền hình, VTVcab chủ yếu sử dụng điện tại văn phòng làm việc. Để sử dụng điện một cách hợp lý, hiệu quả, tránh gây lãng phí, thất thoát nguồn điện, VTVcab luôn duy trì các hoạt động nâng cao ý thức tiết kiệm điện tại các văn phòng.

Tiêu thụ nước

VTVcab sử dụng nước chủ yếu phục vụ sinh hoạt của toàn thể cán bộ công nhân viên và tòa nhà như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động...Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của tòa nhà.

Chi phí nước uống cho cán bộ nhân viên và tiếp khách do VTVcab chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ. Với các cuộc họp, tiếp khách bên ngoài, VTVcab trang bị những chai nước nhỏ để tránh lãng phí.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động, VTVcab không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động sử dụng bình quân ký hợp đồng lao động tại Tổng công ty không bao gồm Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát: 693 người

- Tổng số lao động tính đến 31/12/2022 không bao gồm Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát: 578 người.

- Mức lương bình quân 15.192.568 đồng/người (không bao gồm người quản lý)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
Về phúc lợi, Tổng Công ty trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Ngoài khoản thu nhập bằng tiền lương, người lao động được nhận các khoản phúc lợi vào các dịp lễ, tết, phụ cấp tiền ăn trưa, chi phí gửi xe và các khoản phụ cấp khác như chi phí điện thoại di động, công tác phí, trao quà thăm hỏi khi người lao động ốm đau, thực hiện chế độ thăm hỏi, phúng viếng, tổ chức kiểm tra sức khỏe hàng năm đối với người lao động... Bên cạnh đó, các cuộc thi đua khen thưởng, khuyến khích về vật chất đối với người lao động tương ứng danh hiệu được khen cũng được Ban lãnh đạo quan tâm, động viên thường xuyên, tôn vinh, ghi nhận kịp thời thành tích đạt được của những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, khích lệ người lao động cống hiến hơn nữa và gắn bó lâu dài với sự phát triển của Tổng Công ty. Toàn bộ người lao động của VTVcab có thu nhập tương đối tốt so với mặt bằng thị trường lao động chung của năm 2022, thu nhập được đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất về việc làm đối với toàn bộ người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động là một phần quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của VTVcab. Tổng Công ty tổ chức đào tạo nội bộ, thuê đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tốt các công việc cho người lao động. Cụ thể, trong năm 2022 đã tổ chức đào tạo 2122 học viên với 671 giờ đào tạo

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Với sứ mệnh “Gắn kết gia đình”, trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VTVcab là lá cờ đầu trong ngành truyền hình trả tiền về quy mô, thương hiệu, trích nộp ngân sách, làm tròn nghĩa vụ thuế với nhà nước.

VTVcab nhận thức, hướng đến phát triển bền vững và luôn coi trọng thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước giao phó.

Trong thời gian dịch COVID-19 xuất hiện ở Việt Nam, VTVcab chung tay góp sức vào công tác phòng, chống dịch bệnh cùng địa phương và là một trong những đơn vị lan tỏa, truyền tải thông tin, thông điệp hữu ích đến cộng đồng trên các kênh truyền hình, mạng xã hội thuộc hệ thống VTVcab.

Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 vẫn còn gây khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và VTVcab cũng không nằm ngoài tác động đó. Năm 2022, VTVcab tiếp tục chung tay góp

sức, đồng hành cùng Đài THVN với các hoạt động như: Ủng hộ xây nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách và tổ chức các hoạt động xã hội, tham gia các chương trình thiện nguyện của Đài THVN. Các hoạt động ủng hộ và chương trình an sinh xã hội luôn được cán bộ nhân viên VTVcab hưởng ứng nhiệt tình.

VTVcab phối hợp tổ chức, đồng hành cùng giải thưởng Cúp Chiến thắng năm thứ 6 - Giải thưởng đã khẳng định vị thế của một sự kiện đồng hành đặc biệt, một giải thưởng hàng đầu của thể thao Việt Nam, với sức lan tỏa cùng hiệu ứng tích cực đối với cộng đồng thể thao và người hâm mộ cả nước. Giải thưởng đã không chỉ hoàn thành xuất sắc sứ mệnh tôn vinh những cá nhân, tập thể xứng đáng nhất trong năm, mà còn là động lực phấn đấu mạnh mẽ và bền bỉ cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trước thực trạng cạnh tranh quyết liệt diễn ra ở nhiều lĩnh vực của thị trường truyền hình trả tiền hiện nay như cạnh tranh về thị phần, giá cả dịch vụ, công nghệ, bản quyền... để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển mạnh và bền vững, VTVcab đã xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời để tiếp tục giữ vững và củng cố thành quả đã đạt được trong những năm vừa qua. Theo đó, VTVcab điều chỉnh chiến lược, chuyển từ nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp sang nhà sản xuất và phân phối nội dung trên đa nền tảng, tập trung đầu tư cho 3 lĩnh vực trọng tâm: sản xuất nội dung, phát triển nền tảng công nghệ, giữ vững và phát triển truyền hình truyền thống.

Tuy nhiên, năm 2022, kết quả kinh doanh của VTVcab cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan. Doanh thu dịch vụ truyền hình truyền thống có xu hướng giảm do cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp cũng như chuyển dịch của khách hàng đối với các dịch vụ mới. Thêm vào đó, trong thời gian vừa qua, hầu hết các đối tác đều chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh covid 19 nên gặp nhiều khó khăn về tài chính trong kinh doanh, nhiều đơn vị phải tạm ngưng hoặc giảm quy mô hoạt động, cắt giảm chi phí, nhân công, không có dòng tiền hoạt động... nên ảnh hưởng đến kế hoạch hợp tác và thanh toán hợp đồng cho VTVcab; công ty Điện lực tăng đơn giá thuê cột; chi phí bản quyền tăng... Các yếu tố này đã tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Thành tích VTVcab đạt được trong năm 2022:

- Top 10 thương hiệu uy tín hàng đầu Châu Á năm 2022
- Ứng dụng Thể thao hàng đầu Việt Nam ON Sports TV đạt danh hiệu sản phẩm- Dịch vụ chất lượng quốc tế 2022

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2022	% tăng giảm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	864.861.604.512	984.348.660.632	14%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	94.803.622.835	72.625.817.602	-23%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.530.000.000	57.430.000.000	18%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	529.794.517.290	680.436.506.275	28%
IV. Hàng tồn kho	114.613.860.874	126.525.856.166	10%
V. Tài sản ngắn hạn khác	77.119.603.513	47.330.480.589	-39%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	903.193.683.932	924.512.476.845	2%
I. Các khoản phải thu dài hạn	79.817.452.119	91.065.785.454	14%
II. Tài sản cố định	489.338.709.674	555.780.339.874	14%
III. Tài sản dở dang dài hạn	48.786.088.778	35.520.343.900	-27%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	38.875.806.964	27.833.122.905	-28%
V. Tài sản dài hạn khác	246.375.626.397	214.312.884.712	-13%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.768.055.288.444	1.908.861.137.477	8%

b. Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2022	% tăng giảm
NỢ PHẢI TRẢ	1.162.326.744.427	1.271.614.644.425	9%
I. Nợ ngắn hạn	1.072.809.660.712	1.175.698.081.456	10%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	430.783.299.907	526.104.179.215	22%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	206.041.082.756	226.842.980.709	10%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.304.643.552	14.142.096.960	15%
4. Phải trả người lao động	69.520.599.765	41.102.577.602	-41%

5. Chi phí phải trả ngắn hạn	31.884.922.926	51.403.789.631	61%
6. Phải trả ngắn hạn khác	121.073.728.198	116.130.262.528	-4%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	143.824.702.284	141.487.288.743	-2%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	57.376.681.324	58.484.906.068	2%
II. Nợ dài hạn	89.517.083.715	95.916.562.969	7%
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	12.564.776.345	5.894.255.571	-53%
2. Chi phí phải trả dài hạn	2.612.349.167	374.111.231	-86%
3. Phải trả dài hạn khác	20.338.723.436	20.401.466.529	0%
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26.450.705.467	40.894.204.713	55%
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24.115.132.850	26.245.239.325	9%
6. Dự phòng phải trả dài hạn	3.435.396.450	2.107.285.600	-39%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	605.728.544.017	637.246.493.052	5%
1. Vốn góp chủ sở hữu	457.458.760.000	457.458.760.000	0%
2. Vốn khác của chủ sở hữu	32.130.000.000	32.130.000.000	0%
3. Quỹ đầu tư phát triển	8.976.236.003	58.792.730.421	555%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.325.712.100	24.717.931.997	-42%
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	64.837.835.914	64.147.070.634	-1%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.768.055.288.444	1.908.861.137.477	8%

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã được kiểm toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Tổng Công ty luôn thực hiện tái cấu trúc các đơn vị cho phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của thị trường. Với công tác thực hiện tái cấu trúc bộ máy, nhân sự, toàn bộ các hoạt động liên quan đều được đảm bảo theo quy định, quy chế. Chế độ chính sách đảm bảo cho người lao động luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo vận hành và kế thừa quyền lợi của tổ chức, cá nhân tốt nhất nhằm tạo động lực phát triển.

4. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Ngoài công tác sản xuất chương trình, kinh doanh dịch vụ truyền hình, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, VTVcab tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, tích cực tham gia các hoạt động tương thân, tương ái, hoạt động tình nghĩa... cũng như nhiều hoạt động khác của địa phương tạo sự gắn kết giữa Công ty và địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng Công ty.

Năm 2022 kết quả kinh doanh của VTVcab không đạt kế hoạch do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan. Doanh thu dịch vụ truyền hình truyền thống giảm do cạnh tranh gay gắt trên thị trường, các đối tác của VTVcab chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid kéo dài gây khó khăn về tài chính, ảnh hưởng đến kế hoạch hợp tác và thanh toán hợp đồng cho VTVcab... Tuy nhiên VTVcab vẫn duy trì sự ổn định và giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu về cung cấp nội dung cho thị trường truyền hình tại Việt Nam; thực hiện chế độ lương, thưởng, thù lao được chi trả đúng thời hạn, đảm bảo ổn định đời sống cho cán bộ, nhân viên và người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành.

Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chủ trương của HĐQT tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Báo cáo thường xuyên cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng giúp HĐQT nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và đưa ra các ý kiến chỉ đạo hiệu quả theo định hướng chiến lược đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.

- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu, tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại của năm 2022.
- Tăng cường quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn:
- + Tiếp tục thực hiện chiến lược chuyển đổi từ nhà cung cấp dịch vụ truyền hình truyền thống sang nhà sản xuất và phân phối nội dung trên đa nền tảng, hướng tới cung cấp nội dung tới từng cá nhân qua mọi phương tiện và mọi hạ tầng.
- + Thực hiện chuyển đổi số toàn diện hệ thống VTVcab, chú trọng phát triển công nghệ để đáp ứng kịp thời nhu cầu xem, nghe, nhìn của khán giả trên các nền tảng.
- + Tiếp tục duy trì và phát triển thuê bao, tăng băng thông Internet đảm bảo chất lượng tốt nhất cho khách hàng, tiếp tục hợp tác kinh doanh nội dung trên hạ tầng của các đơn vị viễn thông lớn như Viettel, Mobile, Vina...

- Linh hoạt trong việc thực hiện các định hướng chiến lược sản xuất nội dung và kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế tại các thời điểm khác nhau của Công ty.
- Kịp thời đưa ra các giải pháp chỉ đạo kịp thời, phù hợp nhằm thực hiện tốt các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Tuân thủ tốt các quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Hoàng Ngọc Huấn	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	02/06/2018	
2	Bùi Huy Năm	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	02/06/2018	
3	Vũ Quang Tạo	Thành viên HĐQT không điều hành	27/02/2020	

- Ông Hoàng Ngọc Huấn

Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật

Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0024% vốn điều lệ

- Ông Bùi Huy Năm:

Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 1.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ

Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam; chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Huyn dai

- Ông Vũ Quang Tạo

Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT không điều hành

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

b. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Hoàng Ngọc Huấn	4/4	100%	
2	Bùi Huy Năm	4/4	100%	
3	Vũ Quang Tạo	4/4	100%	

c. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

- Giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Việc giám sát thông qua các cuộc họp của HĐQT với Ban điều hành.

- Giám sát thông các Quyết định phân công nhiệm vụ của từng thành viên của Ban điều hành, theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty; có những chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của công ty và pháp luật.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-VTVcab	04/01/2022	NQ về công tác tổ chức bộ máy của Tổng công ty	100%
2	02/NQ-HĐQT-VTVcab	12/01/2022	NQ thông qua chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV hạ tầng viễn thông VTVcab (INC)	100%
3	03/NQ-HĐQT-VTVcab	22/03/2022	Thông qua cơ cấu tổ chức bộ máy, công tác quản lý điều hành TCT	100%
4	04/NQ-HĐQT-VTVcab	06/04/2022	Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của VTVcab	100%
5	05/NQ-HĐQT-VTVcab	15/04/2022	NQ về việc thông quan kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông	100%
6	06/NQ-HĐQT-VTVcab	15/04/2022	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị công ty	100%
7	07/NQ-HĐQT-VTVcab	15/04/2022	NQ về việc thông qua chủ trương về công tác quản lý, điều hành của Tổng công ty	100%
8	08/NQ-HĐQT-VTVcab	25/05/2022	NQ về việc đề Người đại diện biểu quyết tại cuộc họp của Vita	100%
9	09/NQ-HĐQT-VTVcab	26/05/2022	NQ về công tác quản lý điều hành của Tổng Công ty	100%
10	11/NQ-HĐQT-VTVcab	21/06/2022	Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của VTVcab	100%
11	12/NQ-HĐQT-VTVcab	22/06/2022	NQ vv bổ nhiệm trưởng Ban kiểm soát Cty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab	100%
12	13/NQ-HĐQT-VTVcab	25/6/2022	NQ về cơ cấu tổ chức bộ máy của TCT	100%

13	14/NQ-HĐQT-VTVcab	26/06/2022	NQ vv thông qua sửa đổi thông tin danh mục ký kết hồ sơ với HSBC	100%
14	14a/NQ-HĐQT-VTVcab	28/06/2022	NQ vv đề Người đại diện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2022 của Smart Media JSC	100%
15	15/NQ-HĐQT-VTVcab	22/07/2022	NQ thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty CP phát triển Thể thao VTVcab Sport và Công ty CP Truyền hình tương tác VTVlive	100%
16	16/NQ-HĐQT-VTVcab	02/08/2022	NQ vv cử Người đại diện phần vốn góp của VTVcab tại Công ty con và Công ty liên kết	100%
17	17/NQ-HĐQT-VTVcab	31/08/2022	NQ về cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty	100%
18	18/NQ-HĐQT-VTVcab	26/09/2022	NQ vv lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị cổ phần VTVcab đang nắm giữ tại Công ty CP phát triển Thể thao VTVcab Sport	100%
19	19/NQ-HĐQT-VTVcab	26/09/2022	NQ vv lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị cổ phần VTVcab đang nắm giữ tại Công ty CP Truyền hình tương tác VN	100%
20	20/NQ-HĐQT-VTVcab	05/11/2022	NQ vv lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển nhượng giá trị cổ phần của VTVcab đang nắm giữ tại VTVcab Sport	100%
21	21/NQ-HĐQT-VTVcab	05/11/2022	NQ vv lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển nhượng giá trị cổ phần của VTVcab đang nắm giữ tại VTVlive	100%
22	22/NQ-HĐQT-VTVcab	28/12/2022	NQ vv thông qua phương án chuyển nhượng vốn đầu tư tại Vita	100%

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Minh Điệp	Trưởng Ban BKS	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	1600	0,0035%
3	Phan Tất Thành	Thành viên	0	0%
4	Trần Thị Hải Hà	Thành viên	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Minh Điệp	8	8/8	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	8	8/8	100%	
3	Phan Tất Thành	8	8/8	100%	
4	Trần Thị Hải Hà	8	8/8	100%	

Nội dung các cuộc họp:

- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022;
- Thực hiện công việc kiểm soát thường xuyên và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định;
- Thực hiện các công tác kiểm soát khác theo quy định của pháp luật

Kết quả các cuộc họp:

- Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty.
- Đến thời điểm báo cáo, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn khiếu nại của Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và khác về hoạt động quản lý, điều hành của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát đã lên kế hoạch để triển khai công việc năm 2023
- Báo cáo về hoạt động quản lý, điều hành của Tổng công ty hàng quý về Đài Truyền hình Việt Nam (Cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối) theo yêu cầu.
- Giám sát việc ban hành các quy chế và các văn bản quản trị nội bộ trong Tổng công ty.
- Đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng Công ty thực hiện việc chi trả lương, thưởng, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kiểm soát viên theo đúng quy định tại các văn bản hướng dẫn của pháp luật về lao động tiền lương đối với người quản lý doanh nghiệp. Các báo cáo chi tiết về chi trả lương, thưởng, thù lao theo từng vị trí chức danh của Người quản lý được thực hiện và báo cáo trước Chủ sở hữu (Đài THVN) và Đại hội đồng cổ đông theo quy định

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đv tính: đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Hạ tầng Viễn thông VTVcab	Công ty con		41.459.009.778	Giá trị Doanh thu
			Nghị quyết phê duyệt phương án Số 07/NĐ-HĐQT-VTVcab ngày 20 tháng 4 năm 2022 của HĐQT VTVcab với công ty con	330.000.000	VTVcab nhận cổ tức
				207.579.218.919	Giá trị Mua hàng
2	Công ty CP Công nghệ Việt Thành	Công ty con		47.589.248.920	VTVcab chia doanh thu
				462.849.754	Giá trị Doanh thu
				1.523.789.012	Giá trị Mua hàng
			Nghị quyết Số 01/NĐ-ĐHCĐ/2022 ngày 26/05/2022 của Công ty con	3.577.140.000	VTVcab nhận cổ tức
3	Công ty CP Phát triển thể thao VTVcab	Công ty con		2.324.750.000	Giá trị Doanh thu
				11.776.974.998	Giá trị Mua hàng
4	Công ty Cổ phần truyền hình tương tác Việt Nam	Công ty liên kết		11.249.182.357	Giá trị Doanh thu
				9.530.960.747	Giá trị Mua hàng
5	Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Huyndai	Công ty liên kết		9.935.206.512	Giá trị Doanh thu
				721.483.750	Giá trị Mua hàng
6	Công ty cổ phần Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện	Công ty liên kết	Nghị quyết Số 02/NĐ-ĐHCĐ/SMJ-2022 ký ngày 29/6/2022 ĐHCĐ của Công ty liên kết	269.665.780	VTVcab nhận cổ tức
7	Công ty cổ phần VTVcab Nam Định	Công ty liên kết		5.499.856.242	VTVcab chia doanh thu
				4.576.290.731	Giá trị doanh thu

				2.499.934.655	Giá trị Mua hàng
			Nghị quyết Số 01/NĐ-ĐHCD ký ngày 31/03/2022 ĐHĐCD của Công ty liên kết	43.444.325	VTVcab nhận cổ tức
8	Công ty cổ phần truyền thông ON+	Công ty liên kết		50.100.153.171	Giá trị Doanh thu
				45.926.813.007	Giá trị Mua hàng
9	Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	Công ty liên doanh của VTV		48.621.598.805	Giá trị Doanh thu
				82.179.160.149	Giá trị Mua hàng
10	Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam	Công ty con của VTV		48.418.976.795	Giá trị Doanh thu
				86.073.033.549	Giá trị Mua hàng
11	Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Trực thuộc VTV		2.520.000.000	Giá trị Mua hàng
12	Trung tâm sản xuất và phát triển nội dung số	Trực thuộc VTV		16.000.000.001	Giá trị Mua hàng
13	Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình	Trực thuộc VTV		15.328.638.890	Giá trị Mua hàng
14	Ban Thư ký Biên tập Đài truyền hình Việt Nam	Trực thuộc VTV		7.727.273	Giá trị Mua hàng
15	Văn phòng Đài truyền hình Việt Nam	Trực thuộc VTV		9.273.599.995	Giá trị Mua hàng
16	Ban Biên tập truyền hình đa phương tiện	Trực thuộc VTV		1.130.399.779	Giá trị Doanh thu
				35.028.906.681	Giá trị Mua hàng
17	Ban thể thao	Trực thuộc VTV		225.370.370	Giá trị Doanh thu

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Năm 2022, VTVcab tiếp tục duy trì và tăng cường công tác quản trị nội bộ thông qua các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, xây dựng mới hệ thống văn bản quản lý nội bộ phục vụ cho yêu cầu quản lý, xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ, ...

- Công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ được triển khai định kỳ, đột xuất nhằm đánh giá tính tuân thủ trong việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ, tuân thủ pháp luật trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm, phát hiện các sai sót, tồn tại để ngăn ngừa, khắc phục, giúp cho các hoạt động của Tổng công ty tuân thủ pháp luật, hạn chế các sai sót, tồn tại. Một số hoạt động cụ thể bao gồm:

+ Công tác thanh tra: được thực hiện thường xuyên định kỳ và đột xuất khi có những vụ việc phát sinh.

+ Công tác kiểm soát nội bộ: Tổng công ty đã tăng cường công tác lập và soát xét báo cáo tài chính, soát xét việc ghi nhận doanh thu bán hàng định kỳ, kịp thời phát hiện các sai sót, tồn tại và khắc phục kịp thời. Đối với các công ty con, công ty liên kết, VTVcab thực hiện soát xét báo cáo tài chính và tình hình quản trị công ty định kỳ, duy trì chế độ báo cáo của người đại diện vốn theo quy định. Thông qua các hoạt động này đã kiến nghị, đề xuất các nội dung còn tồn tại và theo dõi tình hình thực hiện nhằm khắc phục các tồn tại trong công tác quản trị tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 19 (i), Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính kèm theo, Tổng Công ty đang thực hiện các công việc liên quan đến quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 30 tháng 06 năm 2018) theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung có liên quan. Trong đó, bao gồm việc thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và đánh giá lại phần vốn nhà nước tương ứng với giá trị của khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (“Smart Media”). Khi có quyết định phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty sẽ phải thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo các nội dung được phê duyệt.

2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (Theo tài liệu đính kèm)

Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty được đăng trên website: <https://www.vtvcb.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX;
- Lưu: VT, CBTT.

CHỦ TỊCH HĐQT *Huân*



Hoàng Ngọc Huân

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty

Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 18 (i), Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày phát hành báo cáo tài chính kèm theo, Tổng Công ty đang thực hiện các công việc liên quan đến quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 30 tháng 06 năm 2018) theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung có liên quan. Trong đó, bao gồm việc thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và đánh giá lại phần vốn nhà nước tương ứng với giá trị của khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện ("Smart Media"). Khi có quyết định phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty sẽ phải thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo các nội dung được phê duyệt.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH PWC (Việt Nam) tại Hà Nội. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh về việc quyết toán vốn nhà nước tại Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		838.580.753.239	749.441.203.208
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.513.449.405	45.180.845.240
111	1. Tiền		20.513.449.405	45.180.845.240
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		707.638.539.747	528.858.478.938
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	559.709.438.154	430.816.441.720
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	14.845.332.938	16.833.333.127
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	189.213.645.359	149.639.279.600
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(56.129.876.704)	(68.643.082.401)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	212.506.892
140	III. Hàng tồn kho	8	63.737.936.686	98.590.662.736
141	1. Hàng tồn kho		63.737.936.686	98.590.662.736
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		46.690.827.401	76.811.216.294
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	42.890.963.203	72.437.486.046
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.798.073.576	4.268.864.836
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.790.622	104.865.412
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.008.410.221.007	976.856.965.962
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		91.015.785.454	79.817.452.119
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	4	18.000.000.000	22.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	73.015.785.454	57.317.452.119
220	II. Tài sản cố định		523.770.634.055	446.575.056.486
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	470.638.812.583	423.094.275.059
222	- Nguyên giá		2.645.314.927.418	2.474.497.671.661
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.174.676.114.835)	(2.051.403.396.602)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	53.131.821.472	23.480.781.427
228	- Nguyên giá		161.705.144.716	119.300.278.806
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.573.323.244)	(95.819.497.379)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		21.138.523.478	38.894.681.702
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	21.138.523.478	38.894.681.702
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	175.837.702.785	185.508.264.544
251	1. Đầu tư vào công ty con		148.685.588.788	148.685.588.788
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		158.378.310.622	157.398.340.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(131.226.196.625)	(120.575.664.244)
260	V. Tài sản dài hạn khác		196.647.575.235	226.061.511.111
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	195.671.438.449	224.367.424.683
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	30	976.136.786	1.694.086.428
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.846.990.974.246	1.726.298.169.170

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.178.524.210.178	1.103.239.157.141
310	I. Nợ ngắn hạn		1.108.852.886.534	1.037.837.206.276
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	503.172.951.678	424.366.793.418
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	219.028.175.564	197.200.154.522
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	11.355.918.607	8.416.571.401
314	4. Phải trả người lao động		19.196.514.345	57.656.186.716
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	46.090.719.274	31.520.835.721
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	111.827.573.986	118.753.130.498
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	141.487.288.743	143.824.702.284
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	56.693.744.337	56.098.831.716
330	II. Nợ dài hạn		69.671.323.644	65.401.950.865
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	15	5.894.255.571	12.564.776.345
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	17	374.111.231	2.612.349.167
337	3. Phải trả dài hạn khác	18	20.401.466.529	20.338.723.436
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	40.894.204.713	26.450.705.467
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.107.285.600	3.435.396.450
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		668.466.764.068	623.059.012.029
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	668.466.764.068	623.059.012.029
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		457.458.760.000	457.458.760.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		457.458.760.000	457.458.760.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		49.680.075.609	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		161.327.928.459	165.600.252.029
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		92.483.118.561	83.528.624.415
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		68.844.809.898	82.071.627.614
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.846.990.974.246	1.726.298.169.170



Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	2.338.618.625.815	2.145.786.977.965
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	324.750.743	37.983.288
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	2.338.293.875.072	2.145.748.994.677
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.794.139.448.460	1.659.546.459.207
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		544.154.426.612	486.202.535.470
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.342.617.470	11.771.724.660
22	7. Chi phí tài chính	26	25.209.104.784	26.976.972.541
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.436.086.502	14.329.618.521
25	8. Chi phí bán hàng	27	202.569.096.828	173.450.902.085
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	235.321.879.918	199.076.209.287
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		85.396.962.552	98.470.176.217
31	11. Thu nhập khác		16.729.311	575.354.019
32	12. Chi phí khác		192.692.323	308.105.839
40	13. Lợi nhuận khác		(175.963.012)	267.248.180
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		85.220.999.540	98.737.424.397
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	15.658.240.000	16.367.971.093
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	717.949.642	297.825.690
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		68.844.809.898	82.071.627.614

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu

Trần Ngọc Huyền

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		85.220.999.540	98.737.424.397
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		137.180.338.671	139.240.251.432
03	- Các khoản dự phòng		(3.190.784.166)	19.351.342.841
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(39.224.907)	22.472.489
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.275.791.699)	(11.739.282.098)
06	- Chi phí lãi vay		13.436.086.502	14.329.618.521
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		228.331.623.941	259.941.827.582
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(181.019.683.431)	(181.019.683.431)	(54.225.971.050)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	34.852.726.050	34.852.726.050	44.364.622.129
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả	85.528.866.342	85.528.866.342	(79.893.693.756)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	58.242.509.077	58.242.509.077	69.745.016.072
14	- Tiền lãi vay đã trả	(13.479.737.227)	(13.479.737.227)	(14.611.487.932)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(13.684.570.961)	(13.684.570.961)	(20.360.470.356)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(22.842.145.238)	(22.842.145.238)	(21.155.664.007)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		175.929.588.553	183.804.178.682
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(196.630.155.943)	(196.630.155.943)	(105.260.286.451)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.941.632.533	3.941.632.533	10.884.282.098
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(188.188.523.410)	(188.188.523.410)	(89.876.004.353)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	241.044.819.048	241.044.819.048	132.130.727.733
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(228.938.733.343)	(228.938.733.343)	(204.415.921.756)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(24.538.353.840)	(24.538.353.840)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(12.432.268.135)	(12.432.268.135)	(72.285.194.023)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(24.691.202.992)	21.642.980.306
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		45.180.845.240	23.560.337.423
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.807.157	(22.472.489)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	20.513.449.405	45.180.845.240

27

Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Huyền
Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 19 (i), Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính kèm theo, Tổng Công ty đang thực hiện các công việc liên quan đến quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 30 tháng 06 năm 2018) theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung có liên quan. Trong đó, bao gồm việc thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và đánh giá lại phần vốn nhà nước tương ứng với giá trị của khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện ("Smart Media"). Khi có quyết định phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty sẽ phải thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo các nội dung được phê duyệt.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH PWC (Việt Nam) tại Hà Nội. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh về việc quyết toán vốn nhà nước tại Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC


Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023


Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		984.348.660.632	864.861.604.512
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	72.625.817.602	94.803.622.835
111	1. Tiền		46.758.817.602	59.336.622.835
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.867.000.000	35.467.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	57.430.000.000	48.530.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		57.430.000.000	48.530.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		680.436.506.275	529.794.517.290
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	531.155.918.600	432.992.303.518
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.245.393.218	17.379.782.888
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	188.165.071.161	147.853.006.393
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(56.129.876.704)	(68.643.082.401)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	212.506.892
140	IV. Hàng tồn kho	9	126.525.856.166	114.613.860.874
141	1. Hàng tồn kho		126.525.856.166	114.613.860.874
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.330.480.589	77.119.603.513
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	43.479.220.633	72.429.055.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.849.469.334	4.268.864.836
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.790.622	421.683.015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		924.512.476.845	903.193.683.932
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		91.065.785.454	79.817.452.119
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	18.000.000.000	22.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	73.065.785.454	57.317.452.119
220	II. Tài sản cố định		555.780.339.874	489.338.709.674
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	502.648.518.402	465.857.928.247
222	- Nguyên giá		3.068.324.214.267	2.889.264.678.530
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.565.675.695.865)	(2.423.406.750.283)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	53.131.821.472	23.480.781.427
228	- Nguyên giá		161.797.144.716	119.392.278.806
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.665.323.244)	(95.911.497.379)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		35.520.343.900	48.786.088.778
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	35.520.343.900	48.786.088.778
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.833.122.905	38.875.806.964
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		27.833.122.905	38.875.806.964
260	V. Tài sản dài hạn khác		214.312.884.712	246.375.626.397
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	206.690.582.650	226.620.484.098
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	1.018.518.309	1.830.586.402
269	3. Lợi thế thương mại	14	6.603.783.753	17.924.555.897
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.908.861.137.477	1.768.055.288.444

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.271.614.644.425	1.162.326.744.427
310	I. Nợ ngắn hạn		1.175.698.081.456	1.072.809.660.712
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	526.104.179.215	430.783.299.907
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	226.842.980.709	206.041.082.756
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	14.142.096.960	12.304.643.552
314	4. Phải trả người lao động		41.102.577.602	69.520.599.765
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	51.403.789.631	31.884.922.926
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	116.130.262.528	121.073.728.198
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	141.487.288.743	143.824.702.284
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	58.484.906.068	57.376.681.324
330	II. Nợ dài hạn		95.916.562.969	89.517.083.715
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	5.894.255.571	12.564.776.345
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	18	374.111.231	2.612.349.167
337	3. Phải trả dài hạn khác	19	20.401.466.529	20.338.723.436
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	40.894.204.713	26.450.705.467
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	26.245.239.325	24.115.132.850
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		2.107.285.600	3.435.396.450
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		637.246.493.052	605.728.544.017
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	637.246.493.052	605.728.544.017
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		457.458.760.000	457.458.760.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		457.458.760.000	457.458.760.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		32.130.000.000	32.130.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		58.792.730.421	8.976.236.003
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.717.931.997	42.325.712.100
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(32.531.377.601)	(21.046.181.946)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		57.249.309.598	63.371.894.046
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		64.147.070.634	64.837.835.914
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.908.861.137.477	1.768.055.288.444

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu

Trần Ngọc Huyền

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
			VND	VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.401.635.346.584	2.246.610.280.767		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	324.750.743	37.983.288		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.401.310.595.841	2.246.572.297.479		
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.804.227.919.115	1.726.634.843.385		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		597.082.676.726	519.937.454.094		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	4.386.534.277	2.908.208.338		
22	7. Chi phí tài chính	27	14.558.572.403	14.961.674.034		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.436.086.502	14.329.618.521		
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(11.883.046.593)	(11.056.800.347)		
25	9. Chi phí bán hàng	28	198.591.417.611	174.890.574.264		
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	293.429.778.260	233.177.520.696		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.006.396.136	88.759.093.091		
31	12. Thu nhập khác		16.729.311	575.383.514		
32	13. Chi phí khác		323.195.682	615.293.615		
40	14. Lợi nhuận khác		(306.466.371)	(39.910.101)		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.699.929.765	88.719.182.990		
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	18.486.808.049	18.025.472.739		
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	2.942.174.570	2.814.433.779		
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		61.270.947.146	67.879.276.472		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		57.249.309.598	63.371.894.046		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.021.637.548	4.507.382.426		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.229	847		

Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		82.699.929.765	88.719.182.990
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		167.497.338.164	181.641.917.929
03	- Các khoản dự phòng		(13.841.316.547)	7.331.245.222
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(39.224.907)	22.472.489
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		6.583.367.465	8.181.034.571
06	- Chi phí lãi vay		13.436.086.502	14.329.618.521
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		256.336.180.442	300.225.471.722
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(153.340.089.238)	(55.928.501.063)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.911.995.292)	37.790.859.137
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		116.733.699.706	(70.691.406.641)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		48.879.736.477	69.348.409.633
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.479.737.227)	(14.611.487.932)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.479.860.960)	(22.440.927.324)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.623.118.234)	(23.258.885.006)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		203.114.815.674	220.433.532.526
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(209.362.849.269)	(115.144.623.248)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.500.000.000	4.500.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(73.250.000.000)	(78.530.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		64.350.000.000	48.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.315.549.340	2.991.520.793
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(209.447.299.929)	(138.183.102.455)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		241.044.819.048	132.130.727.733
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(228.938.733.343)	(204.415.921.756)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.975.213.840)	(10.290.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.869.128.135)	(82.575.194.023)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.201.612.390)	(324.763.952)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		94.803.622.835	95.150.859.276
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.807.157	(22.472.489)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>72.625.817.602</u>	<u>94.803.622.835</u>



Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023